

Số: /TYC-BVNT

Khánh Hòa, ngày tháng 12 năm 2025

YÊU CẦU CHÀO GIÁ

Kính gửi: Quý Công ty

Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho danh mục mua sắm vật tư y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh của Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu chào giá:

1. Đơn vị yêu cầu chào giá: Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận, địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Cừ, P. Ninh Chữ, tỉnh Khánh Hòa.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Chi - Phòng VTTBYT – SĐT: 0379.338.838.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Bản gốc nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận, Đường Nguyễn Văn Cừ, P. Ninh Chữ, tỉnh Khánh Hòa.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: từ 15h ngày 04 tháng 12 năm 2025 đến trước 15h ngày 17 tháng 12 năm 2025. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 17/12/2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục chào giá: Mua sắm vật tư y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh của Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận (phụ lục 01).

2. Yêu cầu hồ sơ nhà thầu tham dự đính kèm các tài liệu sau:

- Thư chào giá hoặc bảng báo giá của nhà thầu theo mẫu tại phụ lục 02.

- Tài liệu chứng minh về tính hợp lệ của hàng hóa theo yêu cầu tại phụ lục 02.1 (Số phiếu tiếp nhận, số lưu hành, số đăng ký lưu hành, giấy chứng nhận đăng ký lưu hành, giấy phép nhập khẩu; Phân loại TBYT; Hồ sơ công bố tiêu chuẩn loại A, B; Mã kê khai giá). Công ty có thể gửi tài liệu sau thời hạn nhận báo giá trong vòng 5 ngày làm việc.

- Nhà thầu cung cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) hoặc giấy chứng nhận lưu hành (MA) các nước cho các nhóm danh mục tại phụ lục 01 (nếu có).

- Catalogue của nhà sản xuất và kèm theo bản dịch sang tiếng việt của hàng hoá (đính kèm file trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia: <https://muasamcong.mpi.gov.vn>

hoặc <https://chaogiattbyt.moh.gov.vn> hoặc vtyt.bvninhthuan@gmail.com hoặc gửi trực tiếp).

- Quyết định trúng thầu hoặc hợp đồng trúng thầu có danh mục tương tự tại các Bệnh viện công lập bằng hình thức đấu thầu rộng rãi gần nhất (nếu có).

3. Địa điểm giao hàng: Kho Vật tư – Phòng VTTBYT, Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận.

4. Thời gian giao hàng dự kiến: Không quá 03 ngày, kể từ ngày Bệnh viện đặt hàng.

5. Dự kiến thanh toán tiền hàng: Trong vòng 03 tháng kể từ khi nghiệm thu hàng hoá.

6. Các thông tin khác:

- Số lượng báo giá: 02 bản.

- Đơn giá trên báo giá đã bao gồm thuế VAT, chi phí vận chuyển và các chi phí khác (nếu có).

- Hạn dùng của hàng hoá: đề nghị Quý Công ty cung cấp hạn dùng tính từ ngày Bệnh viện nhận được hàng.

- Thư yêu cầu này được đăng tải trên các trang thông tin điện tử: benhvienninhthuan.vn; muasamcong.mpi.gov.vn; chaogiattbyt.moh.gov.vn.

- Ngoài phong bì, Quý công ty ghi rõ thông tin: **Tên đơn vị tham gia báo giá; Tên danh mục báo giá; Người nhận: Chi - Phòng VTTBYT – SĐT: 0379.338.838, Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận.**

Rất mong nhận được sự hợp tác của Quý Công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, VTTBYT₈

GIÁM ĐỐC

Lê Huy Thạch

DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ PHỤC VỤ CÔNG TÁC KHÁM, CHỮA BỆNH

(Đính kèm Thư yêu cầu số: /TYC-BVNT ngày 04/12/2025 của Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận)

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
I.	Phần 1: Chỉ dùng trong phẫu thuật sản khoa			
1	Chỉ tan chậm tự nhiên	Chỉ tiêu thiên nhiên tan chậm số 0, dài ≥ 75 cm, kim tròn 1/2C dài ≤ 26 mm	Tép	1.000
2	Chỉ tan chậm tự nhiên	Chỉ tiêu thiên nhiên tan chậm số 1, dài ≥ 75 cm, kim tròn 1/2C dài ≤ 40 mm	Tép	12.000
3	Chỉ tan chậm tự nhiên	Chỉ tiêu thiên nhiên tan chậm số 2/0, dài ≥ 75 cm, kim tròn 1/2C dài ≤ 26 mm	Tép	12.000
4	Chỉ tan chậm tự nhiên	Chỉ tiêu thiên nhiên tan chậm số 3/0, dài ≥ 75 cm, kim tròn 1/2C dài ≤ 26 mm	Tép	300
5	Chỉ tan chậm tự nhiên	Chỉ tiêu thiên nhiên tan chậm số 4/0, dài ≥ 75 cm, kim tròn 1/2C dài ≤ 26 mm	Tép	400
6	Chỉ tan nhanh tự nhiên	Chỉ tan nhanh tự nhiên số 2/0 dài ≥ 75 cm, kim tròn 1/2C dài ≤ 26 mm	Tép	10.000
7	Chỉ tan tổng hợp đa sợi	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 1, dài ≥ 90 cm, kim tròn 1/2C dài ≤ 40 mm.	Tép	20.000
8	Chỉ tan nhanh tổng hợp đa sợi	Chỉ tan nhanh tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 2/0, dài ≥ 90 cm, kim tròn đầu cắt 1/2C, dài ≤ 36 mm	Tép	5.000
9	Chỉ tan tổng hợp đa sợi	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 2/0, dài ≥ 75 cm, kim tròn 1/2C dài ≤ 26 mm.	Tép	1.000
10	Chỉ tan tổng hợp đa sợi	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 3/0, dài ≥ 75 cm, kim tròn 1/2C dài ≤ 26 mm.	Tép	1.500
II.	Phần 2: Bộ dụng cụ dùng trong phẫu thuật			
1	Cán dao mổ	Cán dao mổ, số 3, dùng cho lưỡi dao số 9-17 Chất liệu: inox hoặc tương đương Dài ≤ 125 mm	Cái	10
2	Cán dao mổ	Cán dao mổ, số 4, dùng cho lưỡi dao số 18-36 Chất liệu: inox hoặc tương đương Dài ≤ 135 mm	Cái	20
3	Kẹp gấp mô	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương Kẹp mô và tổ chức loại thẳng, dài 155mm $\pm 5\%$, đầu kẹp loại 4x5 răng	Cái	50
4	Kẹp mạch máu	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương Kẹp mạch máu thẳng, ngàm có răng 1x2, dài 150mm	Cái	40
5	Kẹp mạch máu	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương Kẹp mạch máu thẳng, ngàm đầy răng, dài 140mm	Cái	40
6	Kẹp mạch máu	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương Kẹp mạch máu cong, ngàm đầy răng, dài 140mm	Cái	40
7	Kẹp mạch máu	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương Kẹp mạch máu cong, ngàm đầy răng, dài 160mm	Cái	100

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
8	Kẹp mạch máu	Chất liệu titan hoặc tương đương Kẹp mạch máu, loại nhỏ, cong, dài 40mm, ngàm rộng 17mm, nặng 0.8g	Cái	6
9	Kẹp mạch máu	Chất liệu titan hoặc tương đương Kẹp mạch máu, thẳng, ngàm rộng 18mm, dài 40mm, nặng 0.8g	Cái	6
10	Kẹp mạch máu	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương Kẹp mạch máu, mảnh, cong, dài 105mm	Cái	30
11	Kẹp mang kim	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương Kẹp mang kim, ngàm phủ tungsten carbon hoặc tương đương, dài 200mm	Cái	40
12	Kẹp mang kim	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương Kẹp mang kim, cán vàng, dài 160mm Dùng chỉ 0-3/0	Cái	3
13	Kẹp mang kim	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương Kẹp mang kim, thẳng, cán tròn kiểu nhíp, có khóa cài, ngàm trơn, dùng cho chỉ 9/0-11/0, dài 145-150mm	Cái	3
14	Kẹp mang kim	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương Kẹp mang kim, thẳng, bước răng 0.4mm, dài 130mm, dùng chỉ 4/0 - 6/0	Cái	2
15	Kẹp mang kim	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương Kẹp mang kim, thẳng, bước răng 0.4mm, dài 150mm, dùng chỉ 4/0 - 6/0	Cái	2
16	Kéo phẫu thuật	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương Kéo phẫu thuật, cong, cán vàng, dài 170mm	Cái	20
17	Kéo phẫu thuật	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương Kéo phẫu thuật, thẳng, mũi tù/tù, dài 170mm	Cái	20
18	Kéo phẫu thuật	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương Kéo phẫu thuật, loại chuẩn, thẳng, mũi nhọn/tù, dài 145mm	Cái	2
19	Kéo phẫu tích	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương Kéo phẫu tích, cán vàng, cong, mũi tù/tù, dài 180mm	Cái	20
20	Kéo phẫu tích	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương Kéo phẫu tích, cong, mũi tù/tù, 1 bên cán vàng, 1 bên cán bạc, dài 140mm	Cái	2
21	Kéo phẫu tích	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương Kéo phẫu tích, cong, mũi tù/tù, cán vàng, dài 140mm	Cái	2
22	Kéo phẫu tích	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương Kéo phẫu tích, cong, mũi tù/tù, cán vàng, dài 140mm	Cái	2
23	Kẹp mô	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương Kẹp mô, dài 160mm	Cái	40
24	Nhíp phẫu tích	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương Nhíp phẫu tích, loại chuẩn, thẳng, dài 180mm	Cái	20

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
25	Nhíp phẫu tích	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương Nhíp phẫu tích, thẳng, ngàm tròn, cán vàng, dài 210mm	Cái	5
26	Nhíp phẫu tích	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương Nhíp phẫu tích, thẳng, mảnh, dài 120mm	Cái	4
27	Nhíp vi phẫu mô	Nhíp mô, mảnh, ngàm có răng 1x2, dài 150mm	Cái	4
28	Nhíp mô	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương Nhíp mô, ngàm có răng 1x2, dài 180mm	Cái	20
29	Nhíp mô	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương Nhíp mô, mảnh, thẳng, ngàm có răng 1x2, cán có rãnh, dài 130mm	Cái	3
30	Nhíp mô	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương Nhíp mô, mảnh, ngàm có răng 1x2, dài 115mm	Cái	5
31	Nhíp mô	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương Nhíp mô, thẳng, cỡ trung bình, ngàm có răng 1x2, dài 145mm	Cái	4
32	Kẹp tử cung	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương Kẹp tử cung, cong, ngàm có răng, có rãnh, dài 250mm	Cái	5
33	Kẹp tử cung	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương Kẹp tử cung, thẳng, dài 250mm	Cái	5
34	Kéo cắt chỉ	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương Kéo dùng trong phẫu thuật, cong, mũi nhọn/nhọn, cán vàng, dài 115mm	Cái	3
35	Kéo cắt chỉ	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương Kéo dùng trong phẫu thuật, thẳng, cán vàng, dài 115mm	Cái	3
36	Kéo cắt chỉ	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương Kéo dùng trong phẫu thuật, thẳng, cán vàng, mũi nhọn/nhọn, dài 115mm	Cái	3
37	Kéo cắt chỉ	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương Kéo cắt chỉ, cong, mũi tù/tù, cán vàng, dài 140mm	Cái	2
38	Nhíp vi phẫu	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương Nhíp vi phẫu, thẳng, dài 110mm, ngàm rộng 0.2mm	Cái	3
39	Kẹp phẫu tích	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương Kẹp phẫu tích và gấp mảnh vụn, thẳng, dài 115mm	Cái	3
40	Kéo vi phẫu	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương Kéo vi phẫu, thẳng, lưỡi có khía nhọn, mũi nhọn/nhọn, cán dẹt, dài 110mm	Cái	3
41	Kẹp phẫu tích tử cung	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương Kẹp phẫu tích tử cung, loại nặng, dài 260mm	Cái	5
42	Kềm cắt xương	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương Kềm cắt xương trợ lực mạnh, ngàm cong, dài 240mm	Cái	1

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
43	Kèm cắt xương	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương Kèm cắt xương, cong, hoạt động đôi, dài 190mm	Cái	1
44	Kèm cắt chỉ thép	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương Kèm cắt chỉ thép, thẳng, dài 175mm, cho chỉ thép có đường kính tối đa 1.5mm	Cái	10
45	Kèm cắt chỉ thép	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương Kèm cắt chỉ thép, gấp góc bên, một lưỡi có khía, mũi tù/tù, dài 175mm, cho chỉ thép có đường kính tối đa 1.7mm	Cái	10
46	Cây dẫn dây cưa	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương Cây dẫn dây cưa, dài 330mm, sử dụng để dẫn dây cưa sọ	Cái	20
47	Dụng cụ bóc tách và gấp chỉ 1	Kẹp bóc tách và gấp chỉ kiểu Premiere, ngàm cong dài 14cm	Cái	2
48	Dụng cụ bóc tách và gấp chỉ 2	Kẹp bóc tách và gấp chỉ kiểu Baby- Mixter, ngàm cong dài 18cm	Cái	2
49	Dụng cụ bóc tách và gấp chỉ 3	Kẹp bóc tách và gấp chỉ kiểu Heiss, ngàm cong dài 20cm	Cái	2
50	Dụng cụ bóc tách và gấp chỉ 4	Kẹp bóc tách và gấp chỉ kiểu Overholt-Geissendorfer, ngàm cong dài 21cm	Cái	2
51	Dụng cụ bóc tách và gấp chỉ 5	Kẹp bóc tách và gấp chỉ kiểu Heiss, ngàm cong dài 20cm	Cái	2
52	Dụng cụ bóc tách và gấp chỉ 6	Kẹp bóc tách và gấp chỉ kiểu Overholt--Geissendorfer, ngàm cong dài 27cm	Cái	2
53	Banh bụn	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương Banh bụn, dễ uốn, kích thước 25 x 330mm	Cái	4
54	Banh bụn	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương Banh bụn, dễ uốn, dài 330mm, lưỡi rộng 30mm	Cái	4
55	Banh bụn	Banh bụn, dễ uốn, dài 330mm, lưỡi rộng 40mm	Cái	4
56	Banh bụn	Banh bụn, dễ uốn, dài 330mm, lưỡi rộng 50mm	Cái	4
57	Banh bụn	Banh bụn, dễ uốn, dài 200mm, lưỡi rộng 12mm	Cái	4
58	Banh bụn	Banh bụn, dễ uốn, dài 200mm, lưỡi rộng 17mm	Cái	4
59	Banh bụn	Banh bụn, dễ uốn, dài 250mm, lưỡi rộng 25mm	Cái	4
60	Banh bụn	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương Banh bụn, dễ uốn, dài 300mm, 2 lưỡi rộng 40mm và 50mm	Cái	4
III.	Phần 3: Vật tư dùng trong kỹ thuật điều trị vết thương bằng áp lực âm (Tương thích với máy hút áp lực âm CNP P3 hãng Lohmann & Rauscher GmbH/Áo)			

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
1	Bộ điều trị hút áp lực âm cỡ S	Bộ vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bao gồm: - 01 xốp phủ vết thương bằng Polyurethane dạng tổ ong, kích thước khoảng 10 x 15 x 1 cm. - 01 miếng lót với ống hút bằng polyvinyl có 4 lỗ trong đó 1 lỗ trung tâm hút dịch 3 lỗ làm nhiệm vụ thông khí để cảnh báo áp lực hút tại vết thương, kẹp đường ống, đầu nối có chốt khóa đóng mở - 01 miếng bọc phẫu thuật - 03 màng bọc vết thương dạng film khoảng 10 x 25 cm	Bộ	20
2	Bộ điều trị hút áp lực âm cỡ L	Bộ vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bao gồm: - 01 xốp phủ vết thương bằng Polyurethane dạng tổ ong, kích thước khoảng 25 x 15 x 3 cm. - 01 miếng lót với ống hút bằng polyvinyl có 4 lỗ trong đó 1 lỗ trung tâm hút dịch 3 lỗ làm nhiệm vụ thông khí để cảnh báo áp lực hút tại vết thương, kẹp đường ống, đầu nối có chốt khóa đóng mở - 01 miếng bọc phẫu thuật - 03 màng bọc vết thương dạng film khoảng 10 x 25 cm	Bộ	10
3	Túi chứa dịch thải	Túi chứa dịch thải dùng cho máy hút áp lực âm, bằng nhựa Vinyl với tấm đỡ bằng polyethylene, kèm dây nối hút dịch, kẹp đường ống, có phin lọc kháng khuẩn, khử mùi, chất gel tạo đông, cảm biến báo khi dịch đầy. Kích thước: 250 ml, 1000ml	Cái	30
4	Bộ chăm sóc hậu môn nhân tạo	Đế dán vào da có độ pH giống như da từ 4.0 - 5.5, sử dụng cho các trường hợp hậu môn nhân tạo hồi tràng và niệu quản. - Chất liệu: Hydrocolloid - Thời gian sử dụng trung bình từ 3 đến 5 ngày, tối đa 7 ngày. - Đế bằng cho người có hậu môn nhân tạo lỗi, sử dụng kèm túi phân. Kích cỡ: 70mm	Cái	50
5	Túi hậu môn nhân tạo	Túi hậu môn nhân tạo 2 mảnh, có khóa cuốn, có bộ lọc khí - Chất liệu túi: Vinyl - Đường kính vòng gắn 70mm, chiều dài túi 30cm - Túi chứa loại trong hoặc đục, gồm 4 lớp - Lưu lượng thông khí khoảng 300mm ² , bộ lọc khí không thấm nước. Vòng gắn khớp với đế dán và không gây đau cho người bệnh - Dùng với đế dán túi cùng hãng, chất liệu Hydrocolloid	Cái	50
6	Vòng bảo vệ da chống loét	- Là sự kết hợp hydrocolloid và dịch kết dính, sau đó được liên kết lại bằng siêu sợi. - Đường kính lỗ: 98 mm	Cái	5

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
7	Kem chống xi	- Thành phần: Pectin, Carboxymethylcellulose và alcohol. - Đặc tính: màu nâu sáng, dạng sệt hơi nhạt, ẩm, có chứa cồn. - Kích cỡ: 60g	Tuýp	5
8	Bột chống loét	- Thành phần: Pectin, gelatin và carboxymethylcellulose với tỷ lệ tương đương nhau giúp ổn định độ pH ở vùng da bị tổn thương. - Đặc tính: chiết xuất tự nhiên, dạng bột, hút ẩm, chống kích ứng.	Chai	5
IV.	Phần 4: Hóa chất xử lý nước thải, rửa máy chạy thận			
1	Sodium hydroxyde	Thành phần: NaOH 98% Quy cách: 25 kg/ bao	Kg	5.600
2	Sodium carbonate	Thành phần: Na ₂ CO ₃ 99% Quy cách: 40 kg/ bao	Kg	5.600
3	Chất khử trùng	Thành phần: Chlorine 90% Quy cách: 50 kg/thùng (200g/ viên)	Kg	3.000
4	Acid citric	Độ tinh khiết: 99% Quy cách: 25 kg/ bao	Kg	8.000
V.	Phần 5: Vật tư dùng trong kỹ thuật nội soi tán sỏi thận bằng ống soi mềm (Tương thích hệ thống phẫu thuật nội soi ổ bụng Model Image 1 SPIES, Karl Storz/Đức)			
1	Bộ ống soi mềm niệu quản - bể thận video	- Đường kính ngoài: 8.5Fr ($\approx$ 2.8 mm) - Đường kính kênh làm việc: 3.6Fr ($\approx$ 1.2 mm) - Chiều dài làm việc: 670mm - Góc nhìn: 120 ⁰ - Hướng nhìn: 0 ⁰ - Độ uốn cong (trên/dưới): 275 ⁰ /275 ⁰ - Thân ống xoay (trái/phải): 120 ⁰ /120 ⁰ - Trường nhìn sâu: 3-50mm - Tích hợp 03 phím chức năng: Zoom, Chụp/Quay hình ảnh, Freeze (dừng hình ảnh)	Cái	1

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
2	Bộ xử lý hình ảnh tích hợp màn hình	- Tích hợp 3 trong 1: bộ xử lý ảnh, nguồn sáng, màn hình - Hỗ trợ nguồn điện trực tiếp và pin sạc - Pin hoạt động tối đa 240 phút sau khi sạc đầy - Nguồn điện thế vào: 100-240 VAC, 50/60Hz - Adaptor nguồn ra: 12V DC; 3000mA - Pin nội bộ: DC 7.2V; 1A; 5200mAh - Màn hình cảm ứng TFT 11 inch - Độ phân giải 1280 x 800, 16 triệu màu - Góc nhìn 170⁰ - Chức năng: cân bằng trắng, chụp ảnh, quay video, lưu trữ, phát lại - Cổng thẻ nhớ: SD 64GB - Kích thước: 224 x 165 x 39mm - Ngõ vào: video - Ngõ ra: HDMI, BNC (CVBS)	Cái	1
VI.	Phần 6: Bơm tiêm khí máu động mạch			
1	Bơm tiêm khí máu động mạch	Thẻ tích 1ml, kèm đầu kim Chứa chất chống đông Heparin Chất liệu Polypropylene hoặc tương đương, có nắp đậy Sử dụng để lấy máu xét nghiệm khí máu	Cái	30.000

PHỤ LỤC 02
MẪU YÊU CẦU CHÀO GIÁ CỦA BỆNH VIỆN ĐA KHOA NINH THUẬN

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận, chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Hãng/nước sản xuất	Mã HS	Hạn dùng ($\geq$ tháng)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)=(9)*(10)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n	...									
	Tổng cộng									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của hàng hóa)

2. Đơn giá trên báo giá đã bao gồm thuế VAT, chi phí vận chuyển và các chi phí dịch vụ liên quan.

3. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm. ..[ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

4. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

..., ngày.... tháng....năm 2025

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
 (Ký tên, đóng dấu (nếu có))

PHỤ LỤC 02.1**MẪU ĐÍNH KÈM TÀI LIỆU THÔNG SỐ KỸ THUẬT HÀNG HÓA CỦA BỆNH VIỆN ĐA KHOA NINH THUẬN*****Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận***

Trên cơ sở yêu cầu cung cấp các tài liệu đính kèm báo giá của Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận, chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] cung cấp như sau:

Stt	Stt theo thư yêu cầu chào giá	Danh mục thiết bị y tế	Tên thương mại	Mã sản phẩm	Phân loại BHYT	Hồ sơ công bố tiêu chuẩn (Loại A, B)	Số lưu hành, số đăng ký lưu hành, giấy chứng nhận đăng ký lưu hành, giấy phép nhập khẩu (Loại C, D)	Ghi chú
1								
2								
...								

....., ngày.... tháng....năm 2025

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))